**BHXH tỉnh/TP Tỉnh Lào Cai**

**Phòng GĐBHYT** *Tỉnh Lào Cai, ngày 31/07/2024*

**BÁO CÁO TUẦN**

***(từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/07/2024)***

**I. Kết quả thực hiện trong kỳ**

**1. Tổng quát tình hình KCB toàn tỉnh**

**1.1 Tình hình thực hiện dự toán**

Tổng tiền các CSKCB đã đề nghị bảo hiểm thanh toán: 75.779.637.433,87. Trong đó: Nội trú 54.090.601.018 đồng; Ngoại trú 21.689.036.415,87 đồng.

Dự toán năm: 0 là*: 0* đồng.

So sánh với dự toán, tỉnh đã sử dụng *0* %.

**1.2 Các chỉ số đánh giá khái quát về chi KCB BHYT**

Khái quát qua 5 chỉ số: *(1) Chi bình quân chung; (2) Chi bình quân ngoại trú; (3) Chi bình quân nội trú; (4) Tỷ lệ lượt điều trị nội trú; (5) Ngày điều trị bình quân*.

- Tỷ lệ điều trị nội trú: *20,62* %, bình quân toàn quốc: *9,78* % ( *cao hơn 10,84* ), xếp thứ *1* so với các tỉnh. Bình quân vùng: *0,14* % ( *cao hơn 20,48* ),đứng thứ *1* so với vùng.

- Ngày điều trị bình quân: *7,12* ngày, bình quân toàn quốc: 6,7 ngày ( cao hơn 0,42 ), xếp thứ 21 so với các tỉnh. Bình quân vùng: 7,06 % (cao hơn 0,06), đứng thứ 6 so với vùng.

- Chi bình quân chung: 956.256,7 đồng, bình quân toàn quốc: 812.738,34 đồng (cao hơn 143.518,36) xếp thứ 46 so với các tỉnh. Bình quân vùng: 127.263,1 % (cao hơn 828.993,6), đứng thứ 10 so với vùng.

- Chi bình quân ngoại trú: 340.820,94 đồng, bình quân toàn quốc: 346.382,69 đồng (thấp hơn 5.561,75) xếp thứ 46 so với các tỉnh. Bình quân vùng: 110.023,24 % (cao hơn 230.797,7), đứng thứ 10 so với vùng.

- Chi bình quân nội trú: 3.324.879,73 đồng, bình quân toàn quốc: 5.115.644,16 đồng (thấp hơn 1.790.764,43) xếp thứ 46 so với các tỉnh. Bình quân vùng: 18.729,31 % (cao hơn 3.306.150,42), đứng thứ 10 so với vùng.

**1.3** **Các chỉ số đánh giá chi tiết theo NĐ 75.**

Chi tiết qua 7 chỉ số nhóm chi phí: chi xét nghiệm; chi chẩn đoán hình ảnh; chi thuốc; chi phẫu thuật; chi thủ thuật; chi vật tư y tế; chi tiền giường.

3.1 Chi xét nghiệm

Bình quân 221.907 đồng/lượt KCB. So kỳ trước: số tương đối 0, số tuyệt đối bằng.

Chỉ định xét nghiệm: 45/100 bệnh nhân. So kỳ trước: số tương đối 4,65%, số tuyệt đối 2 bệnh nhân.

3.2 Chi chẩn đoán hình ảnh

Bình quân 133.669,78 đồng/lượt KCB. So kỳ trước: số tương đối bằng, số tuyệt đối bằng.

Chỉ định CĐHA: 39/100 bệnh nhân. So kỳ trước: số tương đối 0%, số tuyệt đối 0 bệnh nhân.

3.3 Chi thuốc

Bình quân 251.486,93 đồng/lượt KCB. So kỳ trước: số tương đối bằng, số tuyệt đối bằng.

3.4 Chi phẫu thuật

Bình quân 2.904.512,19 đồng/lượt KCB. So kỳ trước: số tương đối bằng, số tuyệt đối bằng.

3.5. Chi thủ thuật

Bình quân 1.136.103,68 đồng/lượt KCB. So kỳ trước: số tương đối tăng 5,53%, số tuyệt đối tăng 59.534,29 đồng.

3.6 Chi vật tư y tế

Bình quân 66.950,29 đồng/lượt KCB. So kỳ trước: số tương đối bằng, số tuyệt đối bằng.

3.7 Chi tiền giường

Bình quân 1.119.179,43 đồng/lượt KCB. So kỳ trước: số tương đối bằng, số tuyệt đối bằng.

**2. Công tác kiểm soát chi**

**3. Công tác thanh, quyết toán năm**

**II. Phương hướng kỳ tiếp theo**

**III. Khó khăn, vướng mắc, đề xuất (nếu có)**

Nơi nhận: TRƯỞNG PHÒNG

*- Giám đốc, PGĐ phụ trách (bc);*

*- Tr phòng, các PP GĐBHYT;*

*- Các tổ trưởng;*

*- Lưu tổ tổng hợp./.*